

# THỊ TRƯỜNG CAO SU

- ▶ Tháng 7/2020, giá cao su trên thị trường châu Á tăng so với cuối tháng 6/2020.
- ▶ Trong tháng 7/2020, giá mủ cao su nguyên liệu trong nước ổn định so với cuối tháng 6/2020.
- ▶ Tháng 6/2020, xuất khẩu cao su hỗn hợp (hỗn hợp của cao su tự nhiên và cao su tổng hợp - mã HS 400280) và mủ Latex tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2019, trong khi xuất khẩu nhiều chủng loại cao su khác vẫn giảm.
- ▶ Thị phần cao su Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Ấn Độ trong 4 tháng đầu năm 2020 giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2019.

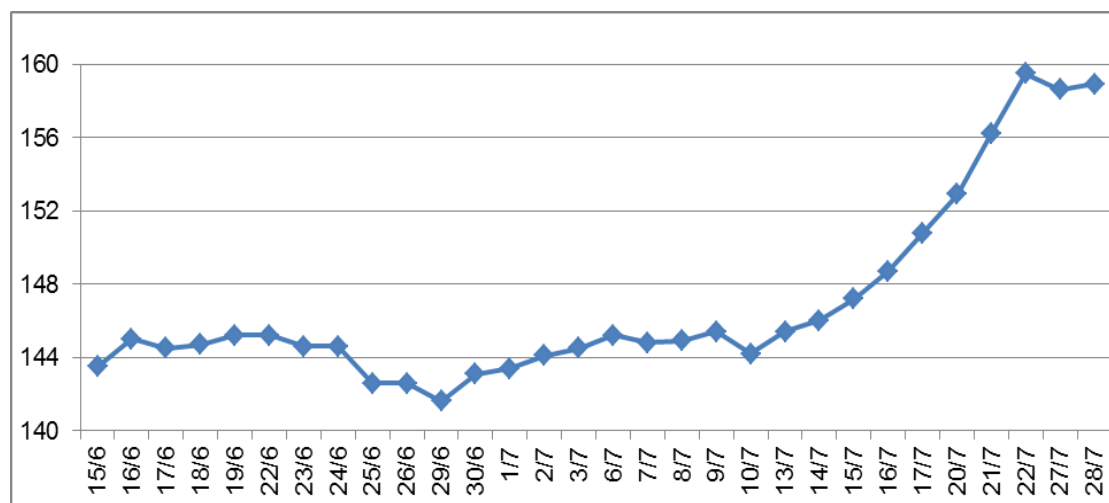
## THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Tháng 7/2020, giá cao su trên thị trường châu Á tăng so với cuối tháng 6/2020. Cụ thể:

+ Từ ngày 27/7/2020, hợp đồng cao su tại Sàn giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM) chuyển sang giao dịch trên sàn Osaka. Ngày 28/7/2020, giá cao su RSS3 giao kỳ hạn tháng 8/2020 trên sàn Osaka giao dịch ở mức 158,9 Yên/kg (tương đương 1,5 USD/kg), tăng 11% so với cuối tháng 6/2020, nhưng vẫn giảm 30,3% so với cùng kỳ năm 2019.



### Diễn biến giá cao su RSS3 giao kỳ hạn tháng 8/2020 tại sàn Osaka trong tháng 7/2020 (ĐVT: Yên/kg)

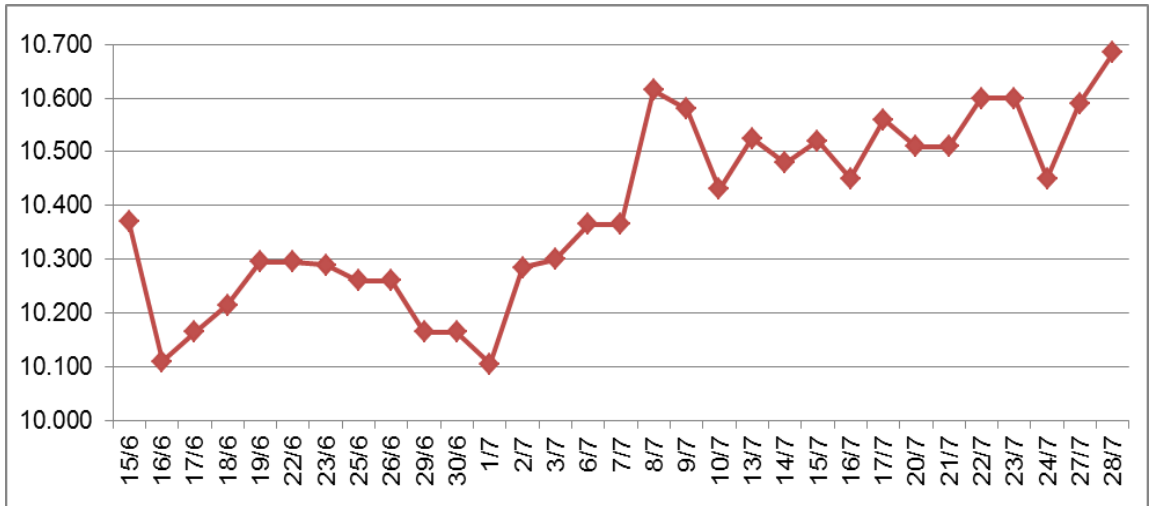


Nguồn: cf.market-info.jp

+ Tại Sàn giao dịch hàng hóa tương lai Thượng Hải (SHFE), ngày 28/7/2020, giá cao su RSS3 giao kỳ hạn tháng 8/2020 giao dịch

ở mức 10.685 NDT/tấn (tương đương 1,52 USD/kg), tăng 5,1% so với cuối tháng 6/2020 và tăng 1,4% so với cùng kỳ năm 2019.

**Diễn biến giá cao su giao kỳ hạn tháng 8/2020 tại sàn SHFE trong tháng 7/2020**  
(ĐVT: NDT/tấn)

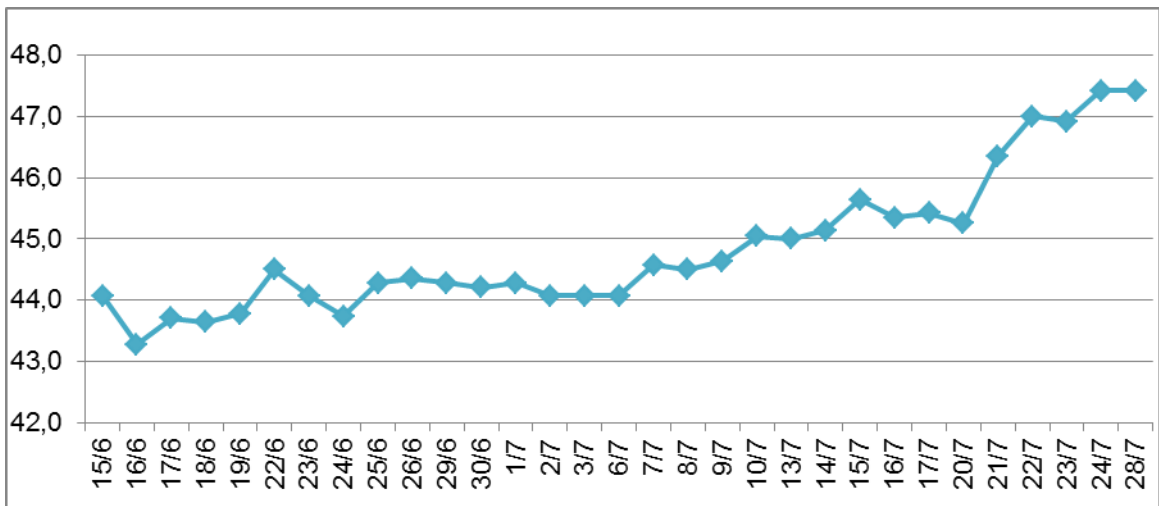


Nguồn: shfe.com.cn

+ Tại Thái Lan, ngày 28/7/2020, giá cao su RSS 3 chào bán ở mức 47,4 Baht/kg (tương đương 1,5 USD/kg), tăng 7,3% so với cuối

tháng 6/2020, nhưng giảm 9,2% so với cùng kỳ năm 2019.

**Diễn biến giá cao su RSS3 tại Thái Lan trong tháng 7/2020**  
(ĐVT: Baht/kg)



Nguồn: thainr.com

Tháng 7/2020, giá cao su trên thị trường châu Á tăng nhờ thông tin tích cực từ quá trình thử nghiệm vaccin ngừa virus corona và kỳ vọng vào gói kích thích kinh tế của EU. Tuy nhiên đà tăng vẫn bị hạn chế bởi căng thẳng giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc ngày càng leo thang và làn sóng Covid-19 bùng phát trở lại tại một số quốc gia.

sẽ tăng cường sử dụng cao su tự nhiên để làm đường xá. Dự án này nằm trong khuôn khổ của gói kích thích kinh tế trị giá 140 triệu Ringgit (tương đương 32,86 triệu USD). Chính phủ Ma-lai-xi-a kỳ vọng, gói chi tiêu này sẽ giúp thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ cao su trong nước và tăng thu nhập cho người trồng cao su sau dịch Covid-19.

Ma-lai-xi-a: Chính phủ Ma-lai-xi-a dự kiến



## THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Trong tháng 7/2020, giá mủ cao su nguyên liệu trong nước ổn định so với cuối tháng 6/2020. Giá thu mua mủ nước của Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng vẫn được giữ

ở mức 255 đồng/TSC, ổn định so với cuối tháng 6/2020; giá thu mua mủ tạp được giữ ở mức 222 đồng/TSC, ổn định so với cuối tháng 6/2020.

## TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU CAO SU CỦA VIỆT NAM

Tháng 7/2020, xuất khẩu cao su của Việt Nam ước đạt 180 nghìn tấn, trị giá 217 triệu USD, tăng 32% về lượng và tăng 33,6% về trị giá so với tháng 6/2020, tăng 7,9% về lượng, nhưng giảm 6,9% về trị giá so với tháng 7/2019; giá xuất khẩu bình quân giảm 13,7% so với cùng kỳ năm 2019, xuống còn 1.206 USD/tấn. Lũy kế 7 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu cao su ước đạt 661,9 nghìn tấn, trị giá 855,4 triệu USD, giảm 15,1% về lượng và giảm 20,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019; giá xuất khẩu bình quân giảm 6,1% so với cùng kỳ năm 2019, ở mức 1.292 USD/tấn.

Theo tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan, tháng 6/2020, xuất khẩu cao su hỗn hợp (hỗn hợp của cao su tự nhiên và cao su

tổng hợp - mã HS 400280) và mủ Latex tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2019, trong khi xuất khẩu nhiều chủng loại cao su khác vẫn giảm.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu hầu hết các chủng loại cao su đều giảm so với cùng kỳ năm 2019, trừ xuất khẩu hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp. Trong 6 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu cao su hỗn hợp (hỗn hợp của cao su tự nhiên và cao su tổng hợp - mã HS 400280) chiếm 61,1% tổng lượng cao su xuất khẩu của cả nước, đạt 296,21 nghìn tấn, trị giá 386,31 triệu USD, tăng 3,5% về lượng, nhưng giảm 0,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, 97,8% lượng cao su hỗn hợp (mã HS 400280) được xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc.

## Chủng loại cao su xuất khẩu của Việt Nam trong tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2020

| Chủng loại                    | Tháng 6/2020 |                     | So với tháng 6/2019 (%) |         | 6 tháng năm 2020 |                     | So với 6 tháng năm 2019 (%) |         |
|-------------------------------|--------------|---------------------|-------------------------|---------|------------------|---------------------|-----------------------------|---------|
|                               | Lượng (tấn)  | Trị giá (nghìn USD) | Lượng                   | Trị giá | Lượng (tấn)      | Trị giá (nghìn USD) | Lượng                       | Trị giá |
| Cao su hỗn hợp (mã HS 400280) | 93.779       | 113.430             | 208,6                   | 158,0   | 296.217          | 386.314             | 3,5                         | -0,7    |
| Latex                         | 19.810       | 18.756              | 40                      | 26,8    | 43.902           | 42.326              | -7,3                        | -9,1    |
| SVR 3L                        | 7.787        | 10.454              | -70,3                   | -73,5   | 47.900           | 71.754              | -46,8                       | -45,2   |
| SVR 10                        | 4.503        | 5.340               | -86,5                   | -88,8   | 30.785           | 41.401              | -67,4                       | -68,5   |
| RSS3                          | 3.666        | 5.052               | -47,2                   | -52,8   | 17.428           | 26.511              | -40,4                       | -38,7   |
| SVR CV60                      | 3.396        | 4.705               | -38,8                   | -47,3   | 21.965           | 34.499              | -35,5                       | -32,9   |
| SVR CV50                      | 1.078        | 1.538               | -24,4                   | -34,1   | 7.530            | 11.999              | -5,8                        | -2,5    |
| Cao su tái sinh               | 633          | 495                 | 4,1                     | 38,5    | 2.526            | 1.949               | -13,3                       | 23,5    |
| RSS1                          | 433          | 62                  | -10,2                   | -92,1   | 2.372            | 3.727               | -38,9                       | -38,9   |
| Cao su dạng Crếp              | 289          | 168                 |                         |         | 1.176            | 738                 |                             |         |
| SVR L                         | 212          | 296                 |                         |         | 212              | 296                 |                             |         |
| Cao su hỗn hợp (HS: 4005)     | 206          | 573                 | -87,5                   | -80     | 1.788            | 4.123               | -76,4                       | -68,4   |
| SVR 5                         | 202          | 263                 | 61,6                    | 48,4    | 1.167            | 1.735               | -9                          | -10,7   |
| SVR 20                        | 200          | 234                 | -85,6                   | -88,2   | 4.110            | 5.453               | -51,3                       | -53,3   |
| Cao su tổng hợp               | 98           | 298                 | -32,4                   | -38,5   | 703              | 1.823               | -7,3                        | -21,6   |
| SVR CV40                      | 10           | 14                  | -50                     | -57,3   | 111              | 175                 | -8,3                        | -4,0    |

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Trong 6 tháng đầu năm 2020, giá xuất khẩu bình quân hầu hết các chủng loại cao su giảm so với cùng kỳ năm 2019, trong khi

giá xuất khẩu cao su SVR 3L, RSS3, SVR CV60, SVR CV50, cao su tái sinh, cao su hỗn hợp, SVR CV40 tăng.

## Giá xuất khẩu bình quân một số chủng loại cao su trong tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2020

| Chủng loại                    | Tháng 6/2020 (USD/tấn) | So với tháng 5/2020 (%) | So với tháng 6/2019 (%) | 6 tháng năm 2020 (USD/tấn) | So với 6 tháng năm 2019 (%) |
|-------------------------------|------------------------|-------------------------|-------------------------|----------------------------|-----------------------------|
| Cao su hỗn hợp (mã HS 400280) | 1.210                  | 0,1                     | -16,4                   | 1.304                      | -4,0                        |
| Latex                         | 947                    | 3,9                     | -9,4                    | 964                        | -2,0                        |
| SVR 3L                        | 1.343                  | -0,6                    | -10,5                   | 1.498                      | 3,0                         |
| SVR 10                        | 1.186                  | -2,3                    | -16,5                   | 1.345                      | -3,3                        |
| RSS3                          | 1.378                  | 0,4                     | -10,6                   | 1.521                      | 2,8                         |

| Chủng loại               | Tháng 6/2020 (USD/ tấn) | So với tháng 5/2020 (%) | So với tháng 6/2019 (%) | 6 tháng năm 2020 (USD/ tấn) | So với 6 tháng năm 2019 (%) |
|--------------------------|-------------------------|-------------------------|-------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| SVR CV60                 | 1.386                   | -6,3                    | -13,8                   | 1.571                       | 3,9                         |
| SVR CV50                 | 1.427                   | -2,9                    | -12,8                   | 1.593                       | 3,4                         |
| Cao su tái sinh          | 783                     | 7,7                     | 33,0                    | 771                         | 42,4                        |
| Cao su dạng Crếp         | 582                     | 0,1                     |                         | 627                         |                             |
| SVR L                    | 1.395                   |                         |                         | 1.395                       |                             |
| Cao su hỗn hợp (HS 4005) | 2.781                   | -23,9                   | 60,3                    | 2.306                       | 33,8                        |
| SVR 5                    | 1.300                   | 2,0                     | -8,2                    | 1.487                       | -1,9                        |
| SVR 20                   | 1.168                   | 3,0                     | -18,4                   | 1.327                       | -4,2                        |
| Cao su tổng hợp          | 3.044                   | 16,5                    | -9,0                    | 2.594                       | -15,4                       |
| SVR CV40                 | 1.376                   | -10,0                   | -14,7                   | 1.577                       | 4,7                         |

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

## DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU CAO SU CỦA ẤN ĐỘ TRONG 4 THÁNG ĐẦU NĂM 2020 VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo Bộ Thương mại Ấn Độ, trong 4 tháng đầu năm 2020, nhập khẩu cao su (mã HS: 4001,4002,4003,4005) của Ấn Độ đạt 271,98 nghìn tấn, trị giá 465,74 triệu USD, giảm 19,2% về lượng và giảm 23% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019.

Trong 4 tháng đầu năm 2020, nhập khẩu cao su của Ấn Độ từ hầu hết các thị trường lớn giảm so với cùng kỳ năm 2019, trừ nhập khẩu

từ Nhật Bản tăng.

Việt Nam là thị trường cung cấp cao su lớn thứ 4 cho Ấn Độ trong 4 tháng đầu năm 2020, đạt 22,43 nghìn tấn, trị giá 33,86 triệu USD, giảm 47,1% về lượng và giảm 43,6% về trị giá. Thị phần cao su của Việt Nam trong tổng nhập khẩu cao su của Ấn Độ giảm từ 12,6% trong 4 tháng đầu năm 2019, xuống còn 8,2% trong 4 tháng đầu năm 2020.

### Thị trường nhập khẩu cao su của Ấn Độ trong 4 tháng đầu năm 2020

| Thị trường    | 4 tháng năm 2020 |                     | So với 4 tháng năm 2019 (%) |              | Tỷ trọng tính theo lượng (%) |                  |
|---------------|------------------|---------------------|-----------------------------|--------------|------------------------------|------------------|
|               | Lượng (tấn)      | Trị giá (triệu USD) | Lượng                       | Trị giá      | 4 tháng năm 2019             | 4 tháng năm 2020 |
| <b>Tổng</b>   | <b>271.986</b>   | <b>465,74</b>       | <b>-19,2</b>                | <b>-22,9</b> | <b>100</b>                   | <b>100</b>       |
| In-đô-nê-xi-a | 40.444           | 60,44               | -17,5                       | -13,6        | 14,6                         | 14,9             |
| Hàn Quốc      | 35.711           | 53,86               | -16,9                       | -28,8        | 12,8                         | 13,1             |
| Xin-ga-po     | 26.473           | 48,20               | -14,1                       | -22,0        | 9,2                          | 9,7              |
| Việt Nam      | 22.430           | 33,86               | -47,1                       | -43,6        | 12,6                         | 8,2              |
| Ma-lai-xi-a   | 18.763           | 30,24               | -31,3                       | -29,3        | 8,1                          | 6,9              |
| Thái Lan      | 18.033           | 31,95               | -25,2                       | -22,7        | 7,2                          | 6,6              |

| Thị trường      | 4 tháng năm 2020 |                     | So với 4 tháng năm 2019 (%) |         | Tỷ trọng tính theo lượng (%) |                  |
|-----------------|------------------|---------------------|-----------------------------|---------|------------------------------|------------------|
|                 | Lượng (tấn)      | Trị giá (triệu USD) | Lượng                       | Trị giá | 4 tháng năm 2019             | 4 tháng năm 2020 |
| Nhật Bản        | 14.602           | 42,35               | 5,3                         | -17,1   | 4,1                          | 5,4              |
| Hoa Kỳ          | 12.956           | 20,88               | -18,5                       | -21,2   | 4,7                          | 4,8              |
| Nga             | 12.269           | 22,92               | -42,5                       | -46,8   | 6,3                          | 4,5              |
| Bờ Biển Ngà     | 10.977           | 14,58               | -3,5                        | -4,1    | 3,4                          | 4,0              |
| Thị trường khác | 59.327           | 106,46              | 3,4                         | -9,1    | 17,1                         | 21,8             |

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Bộ Thương mại Ấn Độ

#### Cơ cấu chủng loại nhập khẩu:

Trong 4 tháng đầu năm 2020, Ấn Độ giảm nhập khẩu cao su tự nhiên (mã HS 4001), đạt 111,66 nghìn tấn, trị giá 165,47 triệu USD, giảm 25,8% về lượng và giảm 23,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019.

Cơ cấu thị trường cung cấp cao su tự nhiên cho Ấn Độ trong 4 tháng đầu năm 2020 có sự thay đổi khi thị phần của In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po giảm, trong

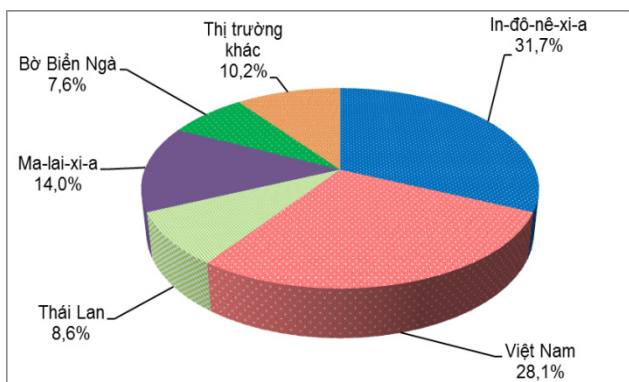
khí thị phần của In-đô-nê-xi-a và Bờ Biển Ngà tăng.

Trong 4 tháng đầu năm 2020, Ấn Độ nhập khẩu từ Việt Nam 22,3 nghìn tấn cao su tự nhiên, trị giá 33,64 triệu USD, giảm 47,2% về lượng và giảm 43,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Thị phần cao su tự nhiên của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Ấn Độ giảm từ 28,1% trong 4 tháng đầu năm 2019 xuống còn 20% trong 4 tháng đầu năm 2020.

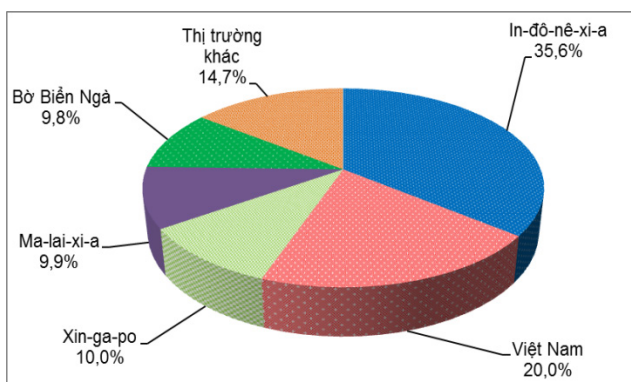
#### Cơ cấu thị trường cung cấp cao su tự nhiên (mã HS: 4001) cho Ấn Độ

(Tỷ trọng tính theo lượng)

4 tháng đầu năm 2019



4 tháng đầu năm 2020



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Bộ Thương mại Ấn Độ

Trong 4 tháng đầu năm 2020, nhập khẩu mặt hàng cao su tổng hợp (mã HS: 4002) của Ấn Độ đạt 132,41 nghìn tấn, trị giá 249,57 triệu USD, giảm 16,3% về lượng và giảm 26,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019.

Cơ cấu thị trường cung cấp cao su tổng hợp cho Ấn Độ trong 4 tháng đầu năm 2020

có sự thay đổi khi thị phần của Nga, Hàn Quốc, Xin-ga-po trong tổng nhập khẩu của Ấn Độ giảm, trong khi thị phần của Ba Lan, Hoa Kỳ và Nhật Bản tăng. Thị phần cao su tổng hợp Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Ấn Độ chiếm 0,1%.